TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:57 /2017/DS-ST
Ngày: 29-9- 2017

"V/v tranh chấp hợp đông ủy quyền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Đặng Hoàng Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 về ***"****Tranh chấp hợp đồng ủy quyền****"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Lệ L, sinh năm 1977; trú tại: Số nhà 11, Lô E, ấp P, xã D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2.Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh M, sinh năm 1959; trú tại: Số nhà 222, đường V, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Chị Huỳnh Lệ L trình bày :*

Vào ngày 21/02/2014 Chị Huỳnh Lệ L và Chị Phạm Thị Thanh M ký văn bản thỏa thuận về việc chị M ủy quyền cho chị L tham gia tố tụng và toàn quyền quyết định thay cho chị M trong quá trình giải quyết, xét xử và thi hành án trong vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng vay, hụi, hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Chị Phạm Thị Thanh M và chị Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Trường T. Nội dung thỏa thuận: Chị M sẽ trả tiền thù lao cho chị L để thực hiện việc ủy quyền là 5% tính trên số tiền chị L thu hồi được cho chị M trong vụ án. Sau khi ký văn bản thỏa thuận chị M đã trả trước cho chị L số tiền 20.000.000 đồng, khoản cuối năm 2015 chị M trả tiếp 10.000.000 đồng, tổng cộng chị M đã trả 30.000.000 đồng.

Ngày 22/4/2014, ngày 21/10/2015 và ngày 27/4/2016 chị L và chị M đã ký các hợp đồng ủy quyền tại Phòng công chứng nhà nước số 02, tỉnh Đồng Tháp để thực hiện theo văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2014. Theo đó, chị L đã thực hiện nhận ủy quyền của chị M tham gia tố tụng 02 vụ án của chị M khởi kiện chị N và ông T: Bản án số 167/2015/DS-PT ngày 28/8/2015 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp và Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 121/2015/QĐST-DS ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã có hiệu lực pháp luật nên chị L đã tiến hành thủ tục yêu cầu thi hành án. Chị L là người trực tiếp viết đơn yêu cầu thi hành án bản án và quyết định nêu trên cho chị M ký và nộp cho Chi cục thi hành án thành phố Sa Đéc kèm theo 03 hợp đồng ủy quyền nêu trên. Trong quá trình thi hành án chị L cũng trực tiếp tham gia và cung cấp thông tin tài sản của chị N, ông T cho Chi cục thi hành án thành phố Sa Đéc. Ngày 02/3/2017 chị L trực tiếp ký biên bản giao quyền cho chị M thỏa thuận thi hành án với chị N, ông T. Ngày 06/3/2017 giữa chị M, chị N, ông T đã thỏa thuận: chị N, ông T giao tài sản nhà, đất trị giá 3.722.837.500 đồng cho chị M để thi hành bản án và quyết định nêu trên. Theo đó, ngày 06/3/2017 theo yêu cầu của chị M, Chi cục thi hành án thành phố Sa Đéc đã đình chỉ thi hành án đối với Bản án số 167/2015/DS-PT ngày 28/8/2015 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp và Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 121/2015/QĐST-DS ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc. Các quyết định thi hành án và quyết định đình chỉ thi hành án đối với bản án, quyết định nêu trên chị L đều được Chi cục thi hành án thành phố Sa Đéc tống đạt bản chính cho chị L giữ. Tuy nhiên, sau khi được thi hành số tiền trên chị M không thanh toán tiền thù lao cho chị L.

Nay chị L yêu cầu chị M trả tiếp số tiền thù lao theo văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2014 là 156.141.875 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 07/3/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Bị đơn Chị Phạm Thị Thanh M có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm trình bày:*

Chị M thừa nhận có ký văn bản thỏa thuận và các hợp đồng ủy quyền với chị L vào thời gian, nội dung thỏa thuận, nội dung ủy quyền và chị M đã trả trước cho chị L tiền thù lao là 30.000.000 đồng để thực hiện việc ủy quyền như chị L trình bày. Tuy nhiên, chị L chỉ đại diện chị M tham gia tố tụng đối với 02 vụ án nêu trên ở giai đoạn xét xử. Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì chị M là người trực tiếp tiến hành thủ tục yêu cầu thi hành án, chị L không tham gia. Việc chị L không tiếp tục tham gia ở giai đoạn thi hành án các bên không có gặp nhau để trao đổi và hủy hợp đồng ủy quyền. Chị L chỉ nói với chị M là không tiếp tục tham gia ở giai đoạn thi hành án chứ không có văn bản chấm dứt hợp đồng. Vì thế chị M cứ nghĩ chị L đã nhận 30.000.000 đồng là đủ tiền thù lao. Việc chị M thỏa thuận với chị N, ông T lấy tài sản để trừ nợ chị N, ông T phải thi hành án là đúng như chị L trình bày. Thực tế số tiền chị N, ông T phải thi hành theo bản án và quyết định nêu trên là 3.722.837.500 đồng nhưng tài sản nhà, đất chị M nhận từ chị N, ông T chỉ có giá trị là 2.500.000.000 đồng.

Nay chị M không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L. Trường hợp chị L yêu cầu khoản tiền thù lao nào đó mà không phải như số tiền chị L khởi kiện mà chị M thấy phù hợp thì sẽ trả cho chị L. Trường hợp chị L vẫn yêu cầu chị M trả số tiền thù lao là 156.141.875 đồng và tiền lãi chậm trả theo pháp luật từ ngày 07/3/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị M không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình nhận đơn khởi kiện đến khi thụ lý vụ án đảm bảo thời gian theo quy định; Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ để giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán cũng đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chuyển

hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử chậm so với thời hạn theo quy định là 4 ngày. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án các đương sự cũng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Chị Huỳnh Lệ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu của Chị Huỳnh Lệ L yêu cầu Chị Phạm Thị Thanh M trả số tiền thù lao theo văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2017 là 156.141.875 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 07/3/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự thể hiện trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay đều thừa nhận: Vào ngày 21/02/2014 Chị Huỳnh Lệ L và Chị Phạm Thị Thanh M ký văn bản thỏa thuận về việc chị M ủy quyền cho chị L tham gia tố tụng và toàn quyền quyết định thay cho chị M trong quá trình giải quyết, xét xử và thi hành án trong vụ án dân sự tranh chấp Hợp đồng vay, hụi, hợp đồng mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Chị Phạm Thị Thanh M và chị Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Trường T. Nội dung thỏa thuận: Chị M sẽ trả tiền thù lao cho chị L để thực hiện việc ủy quyền là 5% tính trên số tiền chị L thu hồi được cho chị M trong vụ án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luật của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, việc chị M và chị L thỏa thuận mức thù lao để thực hiện việc ủy quyền là 5% tính trên số tiền chị L thu hồi được cho chị M là sự thật. Tuy nhiên, chị M trình bày chị L không tham gia ở giai đoạn thi hành án theo hợp đồng ủy quyền đã ký nên không đồng ý trả số tiền thù lao còn lại cho chị L.

[2] Xét hợp đồng ủy quyền giữa chị L và chị M được hai bên thỏa thuận ký vào các ngày 22/4/2014, ngày 21/10/2015 và ngày 27/4/2016 được công chứng, chứng thực là hợp pháp thể hiện sự tự nguyện của các bên. Theo đó, chị L đã thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký. Chị M cho rằng chị L không thực hiện việc ủy

quyền cho chị M trong giai đoạn thi hành án nhưng giữa các bên không gặp nhau bàn bạc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt ủy quyền và thanh quyết toán tiền thù lao của hợp đồng. Việc chị M trực tiếp tham gia trong giai đoạn thi hành án mà không yêu cầu chị L tham gia thực hiện nghĩa vụ của người nhận ủy quyền, vấn đề này không phải lỗi của chị L. Vì vậy, việc chị M từ chối không thanh toán tiền thù lao cho chị L là không có cơ sở. Trên cơ sở văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2014 chị M sẽ trả tiền thù lao cho chị L để thực hiện việc ủy quyền là 5% tính trên số tiền chị L thu hồi được cho chị M trong vụ án. Bản án số 167/2015/DS-PT ngày 28/8/2015 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp và Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 121/2015/QĐST-DS ngày 17/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc thì tổng số tiền chị N, ông T phải thi hành cho chị M là 3.722.837.500 đồng. Trong quá trình thi hành án chị N, ông T và chị M thỏa thuận giao nhận tài sản nhà, đất cho chị M nhận để trừ số nợ phải thi hành. Chị M xác định, giá trị tài sản của chị N, ông T giao cho chị M là do các bên tự thỏa thuận, không được cơ quan chức năng xác định giá trị, đồng thời giá trị tài sản thực tế không đủ 3.722.837.500 đồng là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị M thừa nhận việc thỏa thuận nhận tài sản của chị N, ông T để trừ số tiền 3.722.837.500 đồng mà chị N, ông T phải thi hành là trên cơ sở tự nguyện. Các tài liệu chứng cứ của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc cung cấp đã chứng minh số tiền chị M được thi hành từ việc thỏa thuận cấn trừ tài sản của chị N, ông T là 3.722.837.500 đồng. Qua đó chứng minh, chị M đã thu về được số tiền 3.722.837.500 đồng. Trên cơ sở đó, chị L yêu cầu chị M trả tiền thù lao cho chị L 5% trên tổng số tiền 3.722.837.500 đồng là phù hợp.

Điều 562 của Bộ luật dân sự quy định:

“ Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện nhân danh bên ủy quyền, bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”

Khoản 3 Điều 567 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ của bên ủy quyền:

“Thanh toán chi phí hợp lý mà bên được ủy quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền; trả thù lao cho bên được ủy quyền, nếu có thỏa thuận về việc trả thù lao”.

[3] Đối với việc chị L yêu cầu chị M trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền thù lao chưa thanh toán cho chị L từ ngày 07/3/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì thấy: Căn cứ văn bản thỏa thuận ngày 21/02/2014 các bên thỏa thuận số tiền còn lại chị M sẽ thanh toán cho chị L khi chị L thu được tiền

cho chị M. Ngày 03/3/3017 giữa chị M và chị N, ông T tiến hành làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và tài sản gắn liền với đất, thì xem như chị M đã thu được tiền. Ngày 06/3/2017 chị M làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc đình chỉ thi hành án đối với Bản án, Quyết định chị N, ông T phải thi hành do đã thu được tiền. Tuy nhiên, tại thời điểm này chị M không thanh toán tiếp tiền thù lao cho chị L là vị phạm nghĩa vụ. Qua đó, chị L yêu cầu chị M trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 07/3/2017 theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Điều 468 Bộ luật dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

……

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Theo đó, về mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ của chị M đối với tiền thù lao phải trả cho chị L được tính là 10%/năm tức = 0.83%/ tháng là phù hợp.

Trên cơ sở quy định của pháp luật và nhận định nêu trên xét thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị L. Theo đó, buộc chị M trả tiền thù lao cho chị L cụ thể: 3.722.837.500 đồng x 5% = 186.141.875 đồng. Chị M đã thanh toán cho chị L số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, chị M phải trả tiếp cho chị L số tiền 156.141.875 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm trả từ ngày 07/3/2017 đến ngày 29/9/2017 là 06 tháng 22 ngày. Cụ thể số tiền lãi chậm trả là: 156.141.875 đồng x 0.83% x 06 tháng 22 ngày = 8.726.240 đồng. Tổng cộng chị M phải trả cho chị L là 164.868.115 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn một trăm mười lăm đồng).

[4] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Lệ L là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định về nghĩa vụ chịu án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị L nên chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đây là vụ án

tranh chấp dân sự có giá ngạch. Theo đó, chị M phải trả cho chị L tổng số tiền 164.868.115 đồng, mức án phí Chị M phải chịu theo quy định là: "*Từ 6.000.000đ đến 400.000.000đ thì mức án phí là 5% giá trị tài sản tranh chấp"*. Vì vậy, chị M phải chịu 8.243.400 đồng(Tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 468, 562, khoản 3 Điều 567 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Lệ L

Buộc Chị Phạm Thị Thanh M trả tiền thù lao cho chị L tổng số tiền 164.868.115 đồng (Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn một trăm mươi lăm đồng)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thanh M phải nộp 8.243.400 đồng (Tám triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Lệ L được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.903.500 đồng ngày 18/4/2017 theo biên lai số 13531 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Chị Huỳnh Lệ L mà chị Phạm Thị Thanh M chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho chị L, thì hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận **:**
- Tòa án Tỉnh
- VKS TP Sa Đéc
- Các đương sự
- Chi cục THA
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hoàng